

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC & CÁC SỞ GD&ĐT**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Mã chứng khoán:

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 04.62753844 - Fax: 04.62753816

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Thị Thanh Bình – Tổng giám đốc

Địa chỉ: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04.62753844 - Fax: 04.62753816

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*):

Công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán và Công văn giải trình ý kiến kiểm toán.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn <http://www.aseansc.com.vn> hoặc <http://www.seasc.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á

Người được ủy quyền công bố thông tin



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Thị Thanh Bình

Tài liệu đính kèm:

1. BCTC năm 2014 đã kiểm toán
2. Công văn giải trình ý kiến kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	10
Báo cáo Tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 30



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015002 ngày 12 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép thành lập hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 34/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 12 năm 2006, đăng ký điều chỉnh mới nhất theo Giấy phép số 08/GPĐC - UBCK cấp ngày 03/02/2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng anh: SOUTHEAST ASIA SECURITIES CORPORATION

Tên Công ty viết tắt của Công ty là: SeASecurities.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh tại: Số 31-33-35 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động của Chi nhánh là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2014 là: hoạt động tư vấn, môi giới chứng khoán, hoạt động lưu ký, tự doanh chứng khoán và các dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Chủ tịch
Bà Vũ Thị Lan	Ủy viên
Ông Đoàn Văn Tiến	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc

Bà Lê Thị Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vũ Phong	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Lê Thị Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Số. 277 /2015/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á, được lập ngày 27 tháng 3 năm 2015, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa có đủ cơ sở để xác định giá trị thị trường của các loại cổ phiếu chưa niêm yết đang trình bày trên mục các khoản đầu tư dài hạn theo quy định hiện hành nên Công ty chưa thực hiện đánh giá và điều chỉnh cần thiết đối với các khoản đầu tư này. Bất kỳ điều chỉnh nào khi giá thị trường của các cổ phiếu này được xác định một cách tin cậy cũng có thể ảnh hưởng đến các khoản mục có liên quan tại Báo cáo tài chính của Công ty.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác, kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 25/03/2014 với ý kiến đơn vị chưa trích lập dự phòng các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết do không có cơ sở xác định giá trị thị trường của các loại cổ phiếu này.



A blue ink signature, likely belonging to Trần Thị Hương Quỳnh, the auditor mentioned in the text below.

Trương Văn Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1140-2013-075-1
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Trần Thị Hương Quỳnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1618-2013-075-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 01-CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		523.286.223.003	615.021.887.239
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	49.037.193.868	130.952.724.496
1. Tiền	111		34.037.193.868	130.952.724.496
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	13.021.306.111	23.140.288.065
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.3	16.260.222.532	28.316.143.864
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.238.916.421)	(5.175.855.799)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		460.495.352.068	460.259.756.214
1. Phải thu khách hàng	131		9.123.378	68.500.000
2. Trả trước cho người bán	132		563.999.347	19.800.000
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	5.4	462.018.623.861	456.850.566.835
5. Phải thu khác	138	5.5	74.336.265	6.371.255.912
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	5.6	(2.170.730.783)	(3.050.366.533)
IV- Hàng tồn kho	140		6.552.000	6.552.000
1. Hàng tồn kho	141		6.552.000	6.552.000
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		725.818.956	662.566.464
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	512.770.196	465.949.047
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	26.467.417
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.8	213.048.760	170.150.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		118.794.749.577	113.317.601.094
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		6.735.736.438	8.655.243.970
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	1.405.846.160	2.123.039.360
- Nguyên giá	222		6.419.242.407	6.419.242.407
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.013.396.247)	(4.296.203.047)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	5.329.890.278	6.532.204.610
- Nguyên giá	228		9.618.128.747	9.618.128.747
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.288.238.469)	(3.085.924.137)
III- Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		103.744.219.938	96.495.920.638
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	5.11	103.744.219.938	96.495.920.638
V- Tài sản dài hạn khác	260		8.314.793.201	8.166.436.486
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	665.019.349	1.035.411.629
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	263	5.13	6.462.376.282	6.111.522.857
4. Tài sản dài hạn khác	268		1.187.397.570	1.019.502.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		642.080.972.580	728.339.488.333

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		362.568.504.733	449.233.788.184
I- Nợ ngắn hạn	310		52.568.504.733	49.233.788.184
2. Phải trả người bán	312		689.561.281	2.977.611.571
3. Người mua trả tiền trước	313		100.500.000	78.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	7.004.815.386	7.188.212.871
5. Phải trả người lao động	315		1.954.864.978	1.801.261.085
6. Chi phí phải trả	316	5.15	8.194.282.018	9.357.946.724
8. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	318	5.16	24.014.658.127	22.656.245.390
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	5.17	8.848.033.100	5.133.634.100
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		4.234.160	4.165.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		33.211.443	36.711.443
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		1.546.666.667	-
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		177.677.573	-
II- Nợ dài hạn	330		310.000.000.000	400.000.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.18	310.000.000.000	400.000.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		279.512.467.847	279.105.700.149
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	279.512.467.847	279.105.700.149
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		335.000.000.000	335.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.945.994.322	2.945.994.322
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(58.433.526.475)	(58.840.294.173)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		642.080.972.580	728.339.488.333

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	TM	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
6. Chứng khoán lưu ký		657.760.020.000	638.064.350.000
6.1 Chứng khoán giao dịch		640.048.640.000	625.012.920.000
<i>Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký</i>		4.074.470.000	3.408.240.000
<i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước</i>		599.481.980.000	585.305.280.000
<i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài</i>		684.770.000	540.980.000
<i>Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác</i>		35.807.420.000	35.758.420.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		10.648.330.000	10.901.630.000
<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước</i>		10.648.330.000	10.901.630.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán		6.618.600.000	1.911.230.000
<i>Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước</i>		6.588.600.000	1.911.230.000
<i>Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác</i>		30.000.000	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi tiêu	TM	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút		-	-
<i>Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước</i>		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch		444.450.000	238.570.000
<i>Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký</i>		20.000	30.000
<i>Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước</i>		412.930.000	238.540.000
<i>Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài</i>		31.500.000	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		17.879.660.000	893.730.000
7.1 Chứng khoán giao dịch		17.676.330.000	690.400.000
<i>Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký</i>		3.740.000	-
<i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước</i>		17.672.590.000	690.400.000
7.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút		203.330.000	203.330.000
<i>Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước</i>		203.330.000	203.330.000
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		2.543.580.890.000	1.059.533.790.000

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thủy



Nguyễn Hoàng Phương




Lê Thị Thanh Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu	01	5.20	53.948.100.980	53.134.466.372
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		4.790.680.642	1.736.262.877
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		1.821.242.852	2.376.678.990
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		3.950.000.000	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		1.680.545.454	120.272.727
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		765.741.846	409.532.328
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		1.021.253	-
- Doanh thu khác	01.9		40.938.868.933	48.491.719.450
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		53.948.100.980	53.134.466.372
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	5.21	40.746.449.066	37.811.968.651
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		13.201.651.914	15.322.497.721
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	13.516.371.122	15.088.428.372
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+25)	30		(314.719.208)	234.069.349
8. Thu nhập khác	31		721.486.906	251.371.803
9. Chi phí khác	32		-	12.866.765
10. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		721.486.906	238.505.038
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		406.767.698	472.574.387
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		406.767.698	472.574.387
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	12	14

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Hoàng Phương

Lê Thị Thanh Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động KD	3		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	406.767.698	472.574.387
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.919.507.532	2.103.754.223
- Các khoản dự phòng	03	(1.410.679.167)	(4.502.644.081)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.279.006.997)	(2.495.872.907)
- Chi phí lãi vay	06	26.793.632.962	28.976.856.818
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	22.430.222.028	24.554.668.440
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(600.609.835)	524.265.313.299
- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán thương mại	10	(17.572.377.968)	146.324.315
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	4.600.538.974	(15.073.494.757)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	323.571.131	29.182.406.936
- Tiền lãi vay đã trả	13	(27.833.632.960)	(53.676.856.817)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(400.000.000)	(300.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	14.200.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(171.395.570)	(618.034.598)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.223.684.200)	508.494.526.818
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	351.561.821	2.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(22.380.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	22.380.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	4.576.591.751	3.061.759.106
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	27.308.153.572	(19.316.240.894)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(90.000.000.000)	(400.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(90.000.000.000)	(400.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(81.915.530.628)	89.178.285.924
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	130.952.724.496	41.774.438.572
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	49.037.193.868	130.952.724.496

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Hoàng Phương

Lê Thị Thanh Bình

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
	A	B	Năm trước		Năm nay		31/12/2013	31/12/2014
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	335.000.000.000	335.000.000.000	-	-	-	-	335.000.000.000	335.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	2.945.994.322	2.945.994.322	-	-	-	-	2.945.994.322	2.945.994.322
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(59.312.868.560)	(58.840.294.173)	472.574.387	-	406.767.698	-	(58.840.294.173)	(58.433.526.475)
Tổng	278.633.125.762	279.105.700.149	472.574.387	-	406.767.698	-	279.105.700.149	279.512.467.847

Người lập



Nguyễn Thị Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phương

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc



Lê Thị Thanh Bình

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015002 ngày 12 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép thành lập hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 34/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 12 năm 2006, đăng ký điều chỉnh mới nhất theo Giấy phép số 08/GPĐC - UBCK cấp ngày 03/02/2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng anh: SOUTHEAST ASIA SECURITIES CORPORATION

Tên Công ty viết tắt của Công ty là: SeASecurities.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Đầu tư TC&TM Tấn Phát	14.811.075	148.110.750.000	44,21%
Công ty TNHH TM Sản xuất Kim Phúc	5.778.750	57.787.500.000	17,25%
Các cổ đông khác	12.910.175	129.101.750.000	38,54%
Tổng	33.500.000	335.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh tại: 31-33-35 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động của Chi nhánh là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Số lao động bình quân năm 2014: 40 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2014 là: hoạt động tư vấn, môi giới chứng khoán, hoạt động lưu ký, tự doanh chứng khoán và các dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính năm

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho Công ty Chứng khoán.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị trường hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Các khoản chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chứng khoán đầu tư được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá chứng khoán được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các tài sản như sau:

	Năm 2014
	Số năm
Máy móc thiết bị	04 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 08 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ, và chi phí trả trước dài hạn khác.

Công cụ dụng cụ được phản ánh theo chi phí ban đầu và thực hiện phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02-03 năm.

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”.
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá đóng cửa của SGDCK HN & SGDCK HCM tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá thị trường của các chứng khoán chưa niêm yết đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) là giá bình quân gia quyền của các giao dịch thực hiện theo phương thức khớp lệnh liên tục của ngày giao dịch gần nhất trước đó hoặc ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị trường của các chứng khoán chưa niêm yết chưa đăng ký giao dịch ở TT giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi 03 công ty chứng khoán tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo của các nguồn trên và không có được thông tin tình hình tài chính và giá trị sổ sách của các tổ chức phát hành thì sẽ không được trích lập dự phòng tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ đi các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi hoạt động mua và bán chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán.

Doanh thu hoạt động góp vốn, ủy thác đầu tư được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là Hoạt động môi giới chứng khoán, Hoạt động đầu tư chứng khoán, Hoạt động tư vấn, Hoạt động lưu ký chứng khoán và hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực hoạt động và theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền gửi ngân hàng của công ty	9.474.285.482	107.924.835.373
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	22.291.895.007	20.266.727.057
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	2.271.013.379	2.761.162.066
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	-
Tổng	49.037.193.868	130.952.724.496

Giá trị Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm

TT	Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
a	Công ty Chứng khoán	13.703.632	1.427.272.460.292
	- Cổ phiếu	1.703.632	42.547.460.292
	- Trái phiếu	12.000.000	1.384.725.000.000
b	Người đầu tư	192.659.408	2.638.096.336.000
	- Cổ phiếu	192.657.408	2.638.076.136.000
	- Chứng khoán khác	2.000	20.200.000
	Tổng cộng	206.363.040	4.065.368.796.292

5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chứng khoán thương mại	16.260.222.532	28.316.143.864
- Chứng khoán niêm yết	16.251.831.934	5.932.874.680
- Chứng khoán chưa niêm yết	8.390.598	3.269.184
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác	-	22.380.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3.238.916.421)	(5.175.855.799)
- Chứng khoán niêm yết	(3.238.916.421)	(5.175.855.799)
Tổng	13.021.306.111	23.140.288.065

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

5.3 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND	Tăng		Giảm		31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
					31/12/2014 VND	01/01/2014 VND	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND		
1. Cổ phiếu niêm yết	321.204	189.709	16.260.222.532	5.936.143.864	23.939.689	7.910.935	(3.238.916.421)	(5.175.855.799)	13.045.245.800	768.199.000
ACB	242	242	5.099.101	5.099.101	-	-	(1.372.301)	(1.323.901)	3.726.800	3.775.200
BVH	55.000	-	2.183.940.000	-	-	-	(423.940.000)	-	1.760.000.000	-
FCN	25.009	9	583.424.350	129.600	-	38.700	(65.738.050)	-	517.686.300	168.300
HAG	11.004	4	246.109.985	72.360	-	9.640	(2.921.585)	-	243.188.400	82.000
MBB	41.203	3	549.036.296	36.296	-	1.804	(9.276.996)	-	539.759.300	38.100
NBC	378	378	6.886.010	6.886.010	-	-	(2.614.610)	(3.143.810)	4.271.400	3.742.200
SD9	91	91	2.821.297	2.821.297	-	-	(1.538.197)	(1.656.497)	1.283.100	1.164.800
TKC	84	182.684	2.663.498	5.792.570.381	-	-	(1.655.498)	(5.098.371.181)	1.008.000	694.199.200
REE	10.008	8	271.061.180	121.180	11.164.420	115.620	-	-	282.225.600	236.800
VIC	69.481	1	3.720.057.955	57.955	-	12.045	(405.814.255)	-	3.314.243.700	70.000
VMC	92	92	5.887.712	5.887.712	-	-	(4.415.712)	(4.645.712)	1.472.000	1.242.000
CK khác	108.612	6.197	8.683.235.148	122.461.972	12.775.269	7.733.126	(2.319.629.217)	(66.714.698)	6.376.381.200	63.480.400
2. Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	-	22.380.000.000	-	-	-	-	-	22.380.000.000
Tổng	321.204	189.709	16.260.222.532	28.316.143.864	23.939.689	7.910.935	(3.238.916.421)	(5.175.855.799)	13.045.245.800	23.148.199.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

5.4 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu của khách hàng về GD chứng khoán	87.937.144.915	9.695.689.394
Phải thu thành viên ủy thác đầu tư (*)	371.708.800.000	445.708.800.000
Phải thu khác về giao dịch chứng khoán	2.372.678.946	1.446.077.441
Tổng	462.018.623.861	456.850.566.835

(*) Công ty đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về lộ trình giảm dần và tắt toán các Hợp đồng ủy thác đầu tư. Đến thời điểm 31/12/2014, số dư ủy thác đầu tư là 371.708.800.000 đồng.

5.5 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu lỗi giao dịch chứng khoán	-	1.871.265.815
Phải thu khác	74.336.265	4.499.990.097
Tổng	74.336.265	6.371.255.912

5.6 DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Dự phòng phải thu khó đòi từ các giao dịch chứng khoán	(2.170.730.783)	(3.050.366.533)
Tổng	(2.170.730.783)	(3.050.366.533)

5.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	465.949.047	980.406.364
Tăng	4.695.394.111	4.708.208.735
Phân bổ vào chi phí trong năm	4.648.572.962	5.222.666.052
Các khoản thanh lý khác	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	512.770.196	465.949.047
Chi tiết theo khoản mục chi phí	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hỗ trợ và bảo trì phần mềm giao dịch	394.776.066	450.110.716
Chi phí trả trước khác	117.994.130	15.838.331
Tổng	512.770.196	465.949.047

5.8 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	201.048.760	158.150.000
Cầm cố ký quỹ ký cược ngắn hạn	12.000.000	12.000.000
Tổng	213.048.760	170.150.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

5.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2014	6.307.371.144	111.871.263	6.419.242.407
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	6.307.371.144	111.871.263	6.419.242.407
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2014	4.199.205.840	96.997.207	4.296.203.047
Tăng trong năm	706.037.664	11.155.536	717.193.200
Khấu hao trong năm	706.037.664	11.155.536	717.193.200
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	4.905.243.504	108.152.743	5.013.396.247
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2014	2.108.165.304	14.874.056	2.123.039.360
Tại 31/12/2014	1.402.127.640	3.718.520	1.405.846.160

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 0 đồng.

5.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2014	9.618.128.747	9.618.128.747
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2014	9.618.128.747	9.618.128.747
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2014	3.085.924.137	3.085.924.137
Tăng trong năm	1.202.314.332	1.202.314.332
Khấu hao trong năm	1.202.314.332	1.202.314.332
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2014	4.288.238.469	4.288.238.469
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2014	6.532.204.610	6.532.204.610
Tại 31/12/2014	5.329.890.278	5.329.890.278

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

5.11 ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN DÀI HẠN

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
					Tăng		Giảm			
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
1. Cổ phiếu chưa niêm yết	3.713.473	3.114.440	103.744.219.938	96.495.920.638	-	-	-	-	103.744.219.938	96.495.920.638
<i>Công ty CP Dược vật tư y tế Nghệ An</i>	<i>400.000</i>	<i>400.000</i>	<i>8.900.000.000</i>	<i>8.900.000.000</i>	-	-	-	-	<i>8.900.000.000</i>	<i>8.900.000.000</i>
<i>Công ty CP Điện tử tin học</i>	<i>564.000</i>	<i>564.000</i>	<i>10.867.152.000</i>	<i>10.867.152.000</i>	-	-	-	-	<i>10.867.152.000</i>	<i>10.867.152.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Nam Á</i>	<i>12.020</i>	<i>12.020</i>	<i>114.760.000</i>	<i>114.760.000</i>	-	-	-	-	<i>114.760.000</i>	<i>114.760.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế</i>	<i>474.657</i>	<i>474.657</i>	<i>13.829.059.432</i>	<i>13.829.059.432</i>	-	-	-	-	<i>13.829.059.432</i>	<i>13.829.059.432</i>
<i>Công ty CP Xi măng La Hiên</i>	<i>100.000</i>	<i>100.000</i>	<i>1.100.000.000</i>	<i>1.100.000.000</i>	-	-	-	-	<i>1.100.000.000</i>	<i>1.100.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Việt Á</i>	<i>1.563.763</i>	<i>1.563.763</i>	<i>61.684.949.206</i>	<i>61.684.949.206</i>	-	-	-	-	<i>61.684.949.206</i>	<i>61.684.949.206</i>
<i>Cty TNHH MTV Phân bón dầu khí Cà Mau</i>	<i>599.033</i>	-	<i>7.248.299.300</i>	-	-	-	-	-	<i>7.248.299.300</i>	-
Tổng	3.713.473	3.114.440	103.744.219.938	96.495.920.638	-	-	-	-	103.744.219.938	96.495.920.638

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-CTCK

5.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.035.411.629	29.703.361.248
Tăng	136.200.000	1.202.870.077
Phân bổ vào chi phí trong năm	506.592.280	2.051.036.866
Các khoản thanh lý khác	-	27.819.782.830
Tại ngày 31 tháng 12	665.019.349	1.035.411.629
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi tiết theo khoản mục chi phí		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	278.897.950	424.153.811
Chi phí cải tạo nội thất	209.142.788	326.370.011
Chi phí trả trước dài hạn khác	176.978.611	284.887.807
Tổng	665.019.349	1.035.411.629

5.13 TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền nộp ban đầu	375.736.776	375.736.776
Tiền nộp bổ sung hàng năm	4.062.397.670	4.062.397.670
Tiền lãi phân bổ hàng năm	2.024.241.836	1.673.388.411
Tổng	6.462.376.282	6.111.522.857

Theo Quyết định số 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 07 năm 2010 của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các Sở giao dịch Chứng khoán của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

5.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	264.837.339	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.406.532.615	6.806.532.615
Thuế thu nhập cá nhân	333.445.432	381.680.256
Tổng	7.004.815.386	7.188.212.871

5.15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	8.060.000.002	9.100.000.000
Các khoản khác	134.282.016	257.946.724
Tổng	8.194.282.018	9.357.946.724

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

5.16 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	158.465.274	147.790.917
Bảo hiểm xã hội	6.366.835	3.391.489
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn của Nhà đầu tư	22.291.895.007	20.266.727.057
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.557.931.011	2.238.335.927
Tổng	24.014.658.127	22.656.245.390

5.17 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả Trung tâm lưu ký	8.789.345.000	5.081.696.000
Phải trả tổ chức cá nhân khác	58.688.100	51.938.100
Tổng	8.848.033.100	5.133.634.100

5.18 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trái phiếu phát hành (*)	310.000.000.000	400.000.000.000
Tổng	310.000.000.000	400.000.000.000

(*) Số dư trái phiếu đã được Công ty mua lại cho đến thời điểm 31/12/2014. Thời hạn trái phiếu là 5 năm từ ngày 06/09/2011 đến ngày 06/09/2016. Lãi suất trái phiếu năm đầu tiên là 18%/năm, kể từ năm thứ 2 mức lãi suất sẽ là bình quân của mức lãi suất tiết kiệm VND bình quân kỳ hạn 12 tháng niêm yết công khai của 4 ngân hàng lớn gồm Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, tại thời điểm 8h00 của ngày thanh toán lãi hàng năm với biên độ +2%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

5.19 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ		
	01/01/2013	01/01/2014	Năm trước		Năm nay		31/12/2013	31/12/2014	
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	335.000.000.000	335.000.000.000	-	-	-	-	335.000.000.000	335.000.000.000	
2. Quỹ dự phòng tài chính	2.945.994.322	2.945.994.322	-	-	-	-	2.945.994.322	2.945.994.322	
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(59.312.868.560)	(58.840.294.173)	472.574.387	-	406.767.698	-	(58.840.294.173)	(58.433.526.475)	
Tổng	278.633.125.762	279.105.700.149	472.574.387	-	406.767.698	-	279.105.700.149	279.512.467.847	

Cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.500.000	33.500.000
Cổ phiếu phổ thông	33.500.000	33.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP):	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

5.20 DOANH THU BÁN HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	4.790.680.642	1.736.262.877
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.821.242.852	2.376.678.990
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	3.950.000.000	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	1.680.545.454	120.272.727
Doanh thu lưu ký chứng khoán	765.741.846	409.532.328
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	1.021.253	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	-	-
Doanh thu khác	40.938.868.933	48.491.719.450
Tổng	53.948.100.980	53.134.466.372

5.21 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	833.128.996	619.911.283
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	5.023.522.168	14.376.548
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	2.725.888.889	-
Chi phí hoạt động tư vấn	18.922.200	13.500.000
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	348.676.500	362.408.694
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.936.939.378)	32.912.439
Chi phí dự phòng phải trả	177.677.573	67.194.194
Chi phí khác	26.873.633.862	29.056.856.818
Chi phí trực tiếp chung	6.681.938.256	7.644.808.675
- Chi phí nhân viên	1.651.155.672	1.904.891.183
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	99.621.316	65.321.285
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	462.743.514	560.085.520
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.954.037.461	3.150.695.286
- Chi phí khác bằng tiền	1.514.380.293	1.963.815.401
Tổng	40.746.449.066	37.811.968.651

5.22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.970.951.216	4.708.499.541
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	221.261.481	264.917.357
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.456.764.018	1.543.668.703
Thuế, phí và lệ phí	465.472.740	591.857.717
Chi phí dự phòng	170.905.065	964.002.832
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.743.179.684	2.022.136.937
Chi phí khác bằng tiền	3.487.836.918	4.993.345.285
Tổng	13.516.371.122	15.088.428.372

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

5.23 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	406.767.698	472.574.387
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	864.932.444	1.702.922.318
Tổng thu nhập chịu thuế	(458.164.746)	(1.230.347.931)
- Chuyển lỗ	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	(458.164.746)	(1.230.347.931)
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

5.24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	406.767.698	472.574.387
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	406.767.698	472.574.387
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	33.500.000	33.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	12	14

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị	Lương, thưởng, thù lao	2.032.579.854	1.376.071.228

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

6.2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận - Theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	Hoạt động tư vấn	Hoạt động lưu ký chứng khoán	Hoạt động khác	Tổng
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	4.790.680.642	1.821.242.852	1.680.545.454	765.741.846	44.889.890.186	53.948.100.980
Chi phí bộ phận trực tiếp	1.010.806.569	3.086.582.790	18.922.200	348.676.500	29.599.522.751	34.064.510.810
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	6.681.938.256	6.681.938.256
Tổng lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	3.779.874.073	(1.265.339.938)	1.661.623.254	417.065.346	8.608.429.179	13.201.651.914
Tài sản bộ phận trực tiếp	108.058.309.139	116.765.526.049	8.000.000	-	374.082.602.324	598.914.437.512
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	43.166.535.068	43.166.535.068
Tổng tài sản	108.058.309.139	116.765.526.049	8.000.000	-	417.249.137.392	642.080.972.580
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	31.321.839.840	-	100.500.000	31.183.645	318.194.282.018	349.647.805.503
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	12.920.699.230	12.920.699.230
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	362.568.504.733

Báo cáo bộ phận - Theo khu vực địa lý

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Chi nhánh		Tổng
	Hội sở	Hồ Chí Minh	
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	52.651.046.037	1.297.054.943	53.948.100.980
Tài sản bộ phận	635.942.411.093	6.138.561.487	642.080.972.580
Nợ phải trả bộ phận	348.785.856.930	13.782.647.803	362.568.504.733

6.3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.037.193.868	130.952.724.496
Phải thu khách hàng và phải thu khác	462.102.083.504	463.290.322.747
Đầu tư ngắn hạn	16.260.222.532	28.316.143.864
Đầu tư dài hạn	103.744.219.938	96.495.920.638
Tổng	631.143.719.842	719.055.111.745
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	310.000.000.000	400.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	33.652.752.508	30.845.491.061
Chi phí phải trả	8.194.282.018	9.357.946.724
Tổng	351.847.034.526	440.203.437.785

Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	-	310.000.000.000	310.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	33.652.752.508	-	33.652.752.508
Chi phí phải trả	8.194.282.018	-	8.194.282.018
Tổng	41.847.034.526	310.000.000.000	351.847.034.526
01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	-	400.000.000.000	400.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	30.845.491.061	-	30.845.491.061
Chi phí phải trả	9.357.946.724	-	9.357.946.724
Tổng	40.203.437.785	400.000.000.000	440.203.437.785

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.037.193.868	-	49.037.193.868
Phải thu khách hàng và phải thu khác	462.102.083.504	-	462.102.083.504
Đầu tư ngắn hạn	16.260.222.532	-	16.260.222.532
Đầu tư dài hạn	-	103.744.219.938	103.744.219.938
Tổng	527.399.499.904	103.744.219.938	631.143.719.842

01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.952.724.496	-	130.952.724.496
Phải thu khách hàng và phải thu khác	463.290.322.747	-	463.290.322.747
Đầu tư ngắn hạn	28.316.143.864	-	28.316.143.864
Đầu tư dài hạn	-	96.495.920.638	96.495.920.638
Tổng	622.559.191.107	96.495.920.638	719.055.111.745

6.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán Kế toán và Tư vấn thuế AAT.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015
Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thủy



Nguyễn Hoàng Phương



Lê Thị Thanh Bình



CÔNG TY CP CK ĐÔNG NAM Á

Asean Securities

Số: 163/2015/Asean Securities- CV

(V/v: Giải trình về Vấn đề cần nhấn mạnh của
Đơn vị kiểm toán trên Báo cáo tài chính kiểm
toán năm 2014)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

2015

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Kính gửi : - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HÀ NỘI**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần chứng khoán Đông Nam Á (**Asean Securities**), địa chỉ tại tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội xin gửi lời chào trân trọng tới Quý cơ quan.

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Asean Securities có ý kiến về “Vấn đề cần nhấn mạnh” của Đơn vị kiểm toán là: “*Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa có đủ cơ sở để xác định giá trị thị trường của các loại cổ phiếu chưa niêm yết đang trình bày trên mục các khoản đầu tư dài hạn theo quy định hiện hành nên Công ty chưa thực hiện đánh giá và điều chỉnh cần thiết đối với các khoản đầu tư này. Bất kỳ điều chỉnh nào khi giá thị trường của các cổ phiếu này được xác định một cách tin cậy cũng có thể ảnh hưởng đến các khoản mục có liên quan tại Báo cáo tài chính của Công ty*”.

Asean Securities xin giải trình như sau:

Các cổ phiếu chưa niêm yết nằm trong danh mục mà Công ty đang nắm giữ hầu như không có thanh khoản trên thị trường; Asean Securities không có cơ sở để xác định giá trị thị trường của các loại cổ phiếu nói trên. Do đó, Công ty chúng tôi không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đối với những cổ phiếu chưa niêm yết mà Công ty hiện đang nắm giữ.

Trên đây là giải trình của Asean Securities về “Vấn đề cần nhấn mạnh” của Đơn vị kiểm toán trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Công ty chúng tôi.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Thanh Bình